CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/09/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**13.5%**	**154.9**

DT thuần
Q3/25
62.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.8| 23.3%
YoY: ▼25.2| -28.7%

LN thuần
Q3/25
0.53
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.31| 142%
YoY: ▼0.63| -54.1%

LN sau thuế
Q3/25
0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17| 100%
YoY: ▼0.61| -64.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/25
-1.8%
YoY: +/-▼ 0.8%

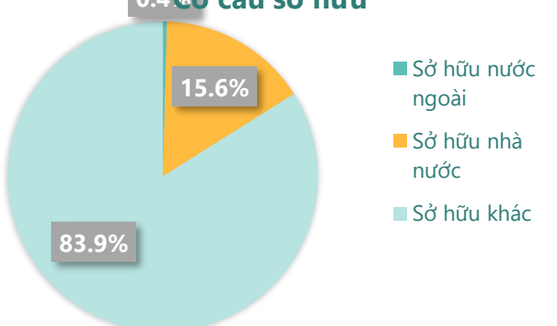
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,800 - 32,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
Số lượng CPLH (CP)	4,043,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,753
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.03)
EPS	-261
P/E	-99.8

DT thuần
9T 2025
119
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.0| -18.4%

LN thuần
9T 2025
-0.56
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.56| -156%

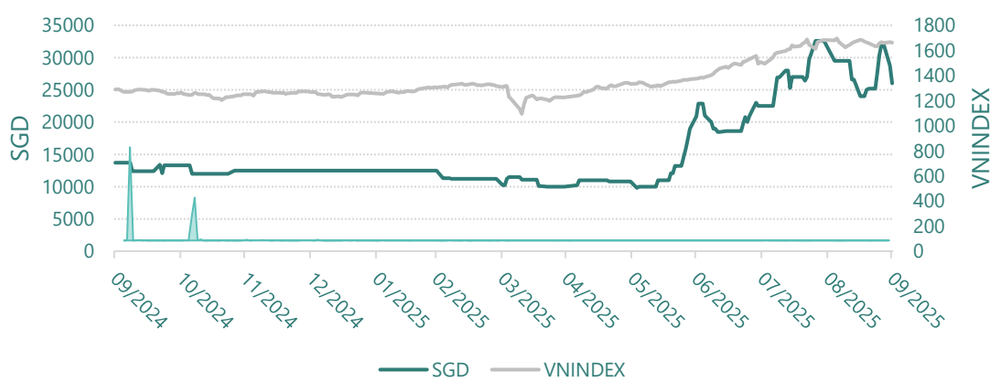
LN sau thuế
9T 2025
-0.75
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -269%

Cơ cấu sở hữu

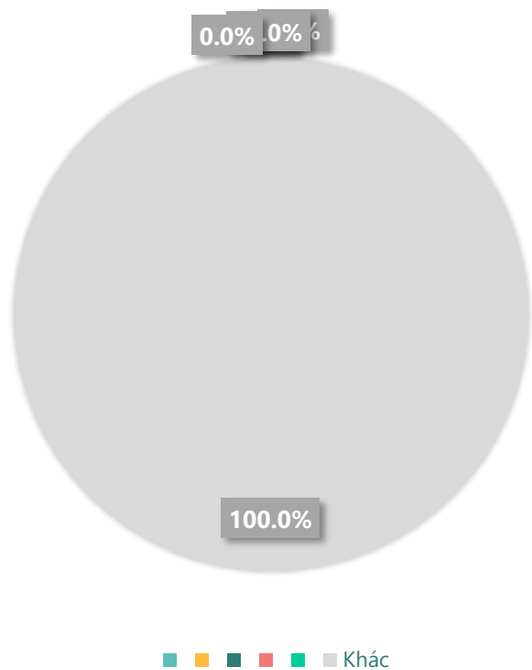


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



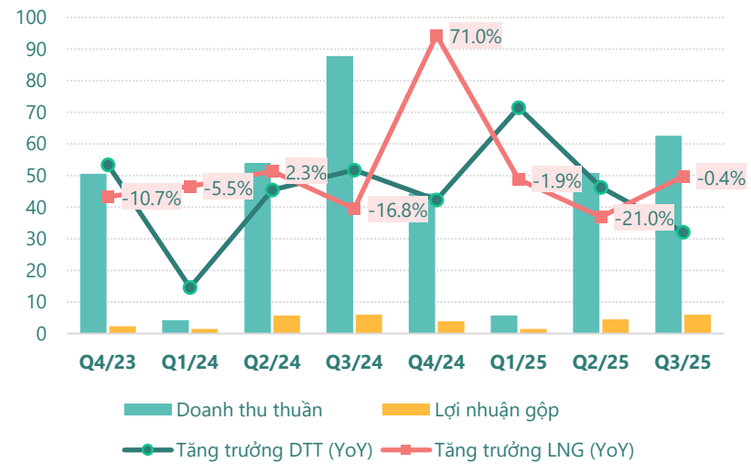
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

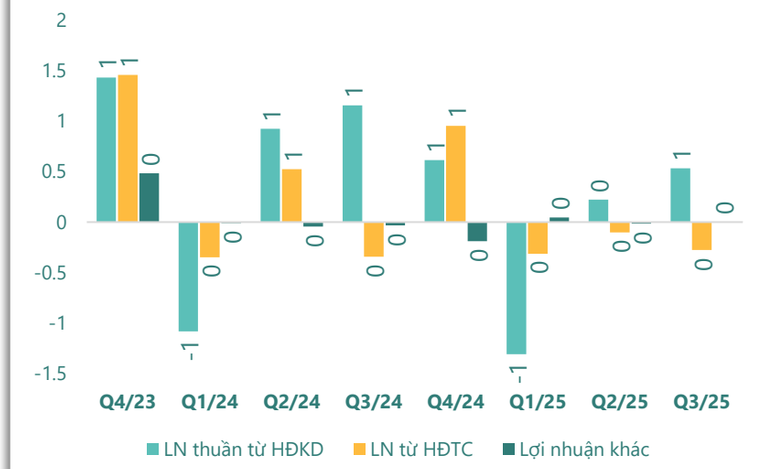
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



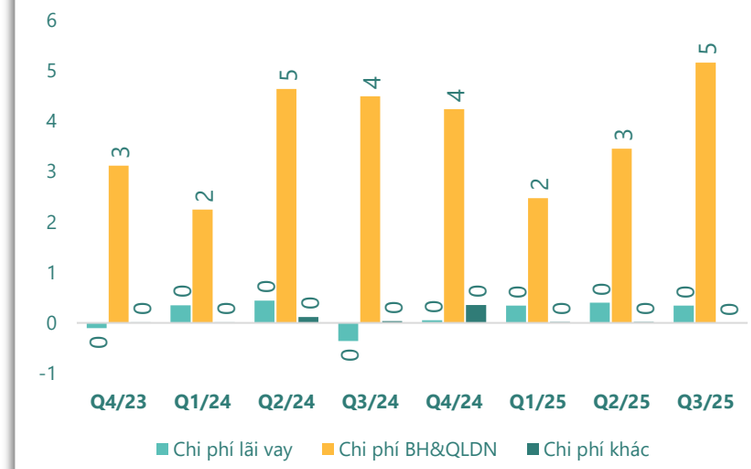
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



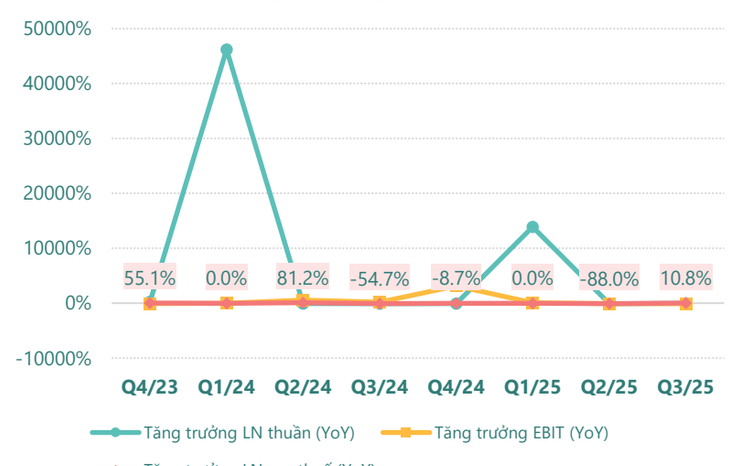
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



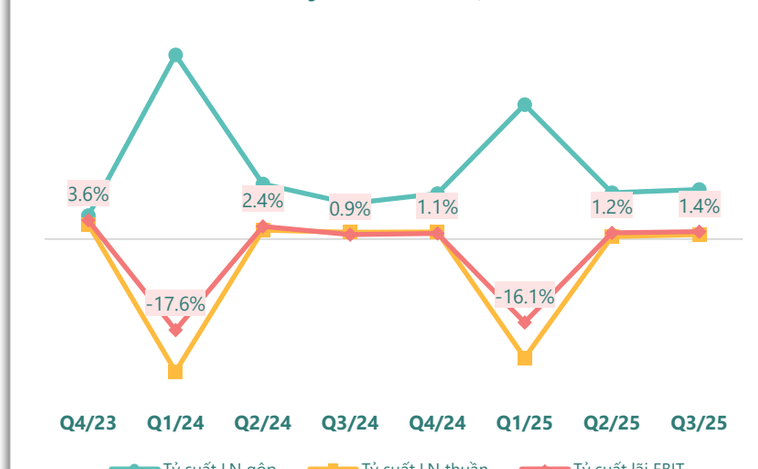
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



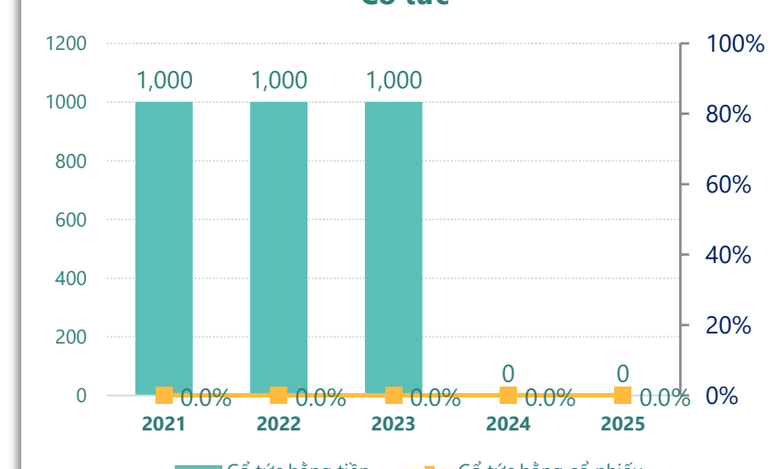
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

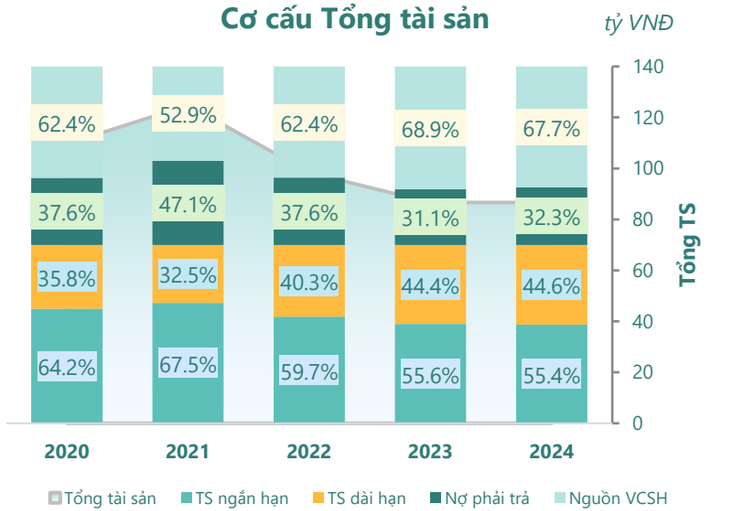
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

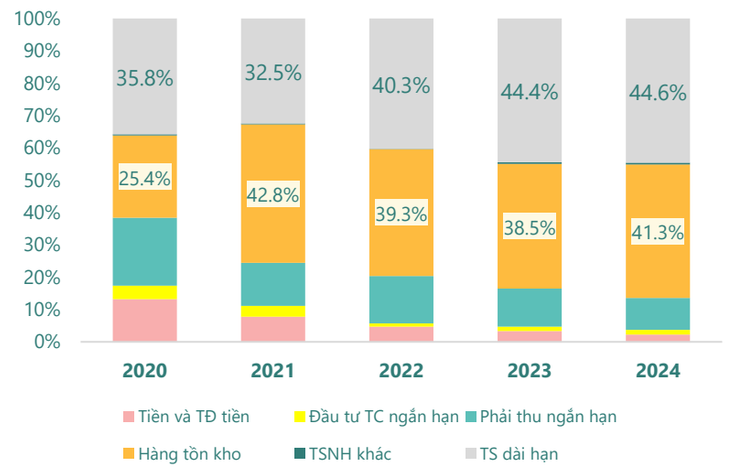
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



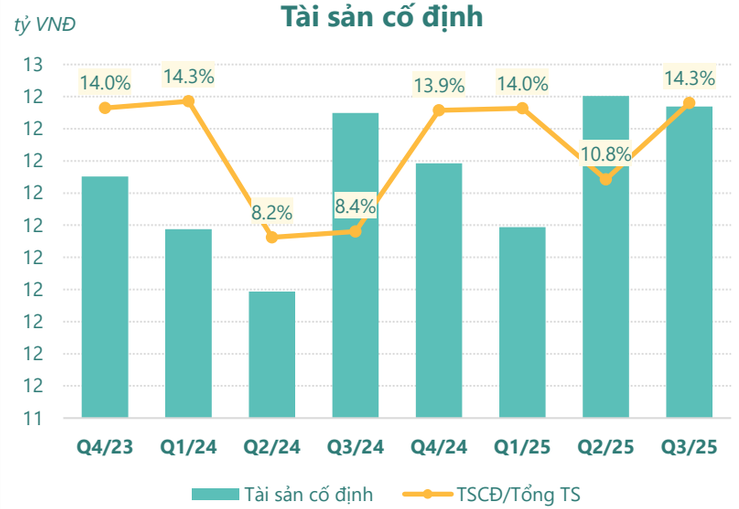
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



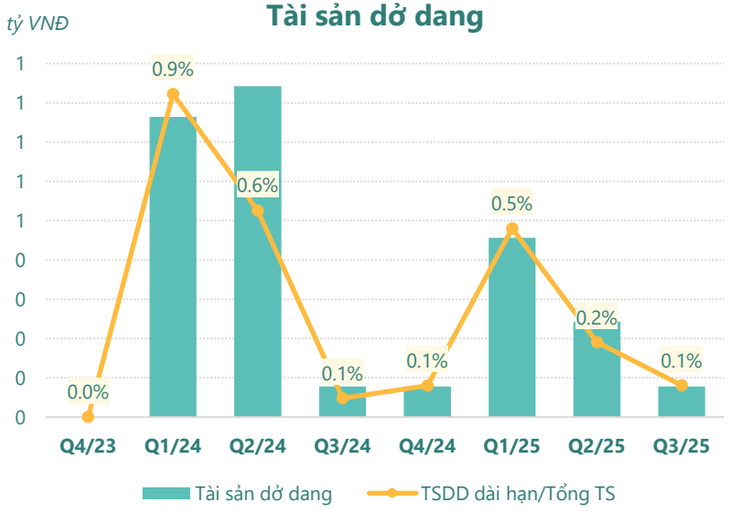
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



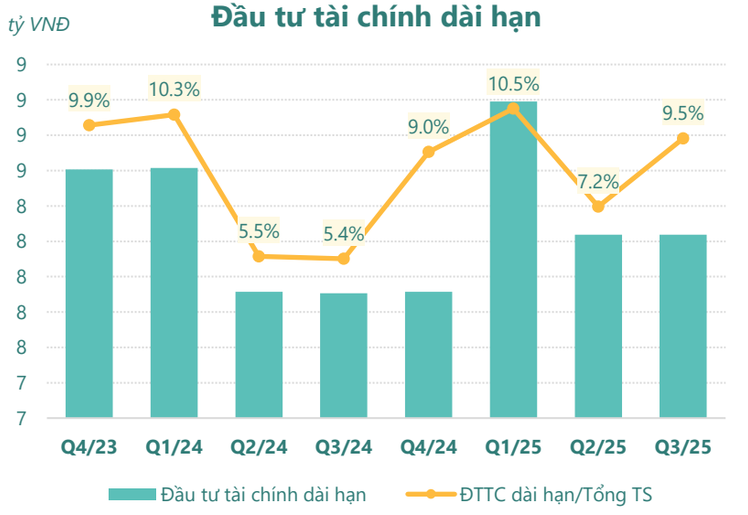
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



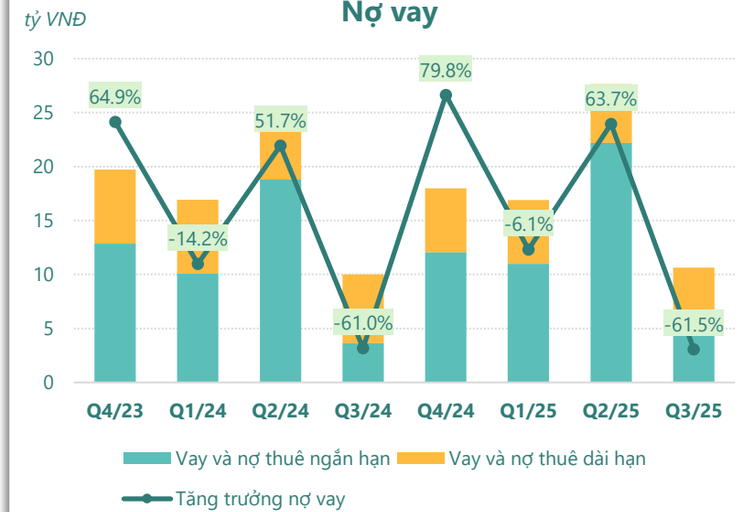
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

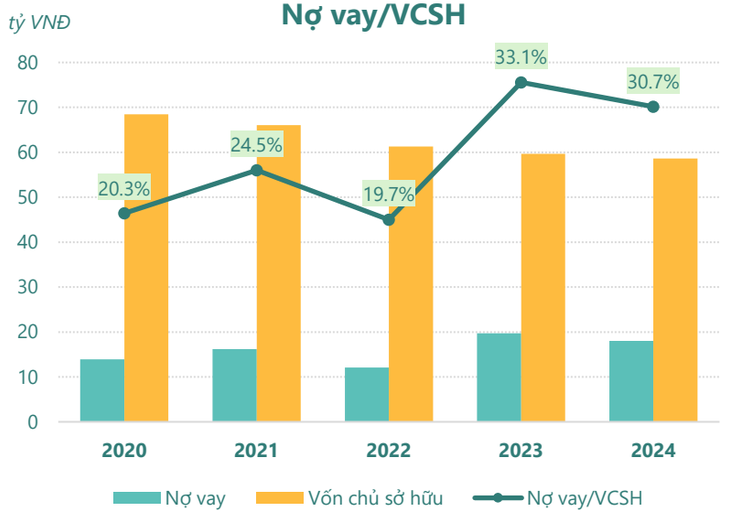
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

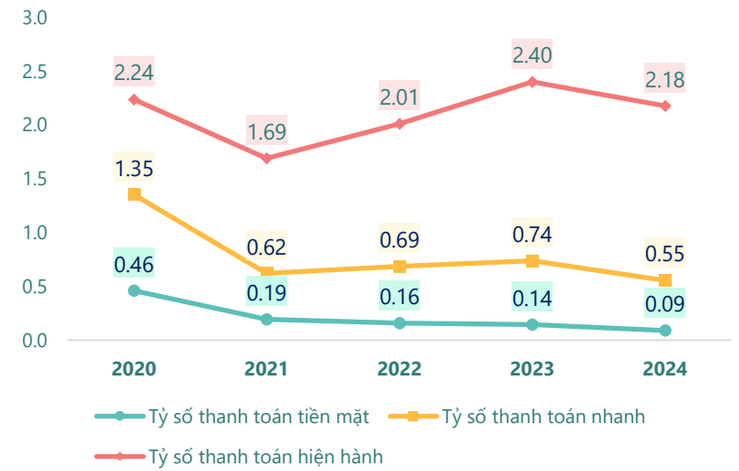
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



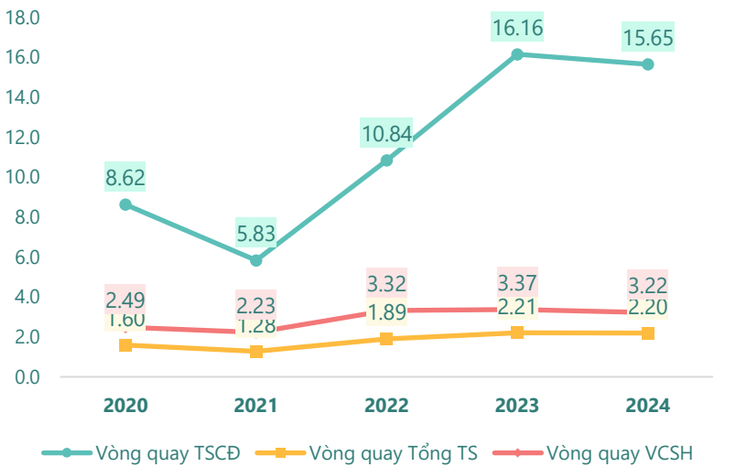
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



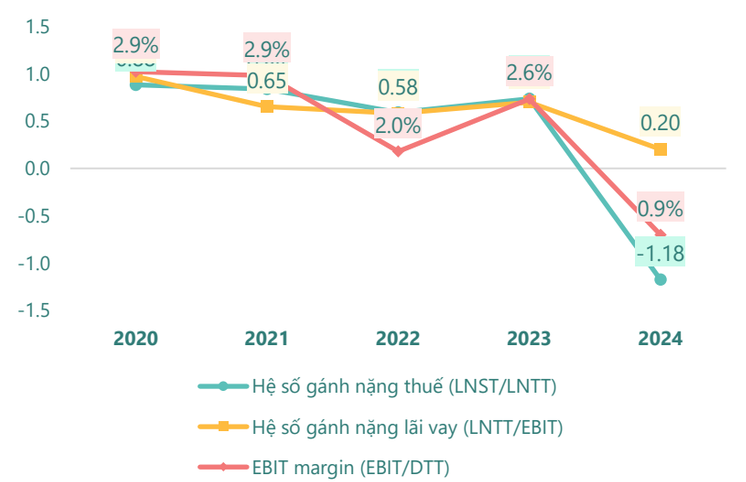
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



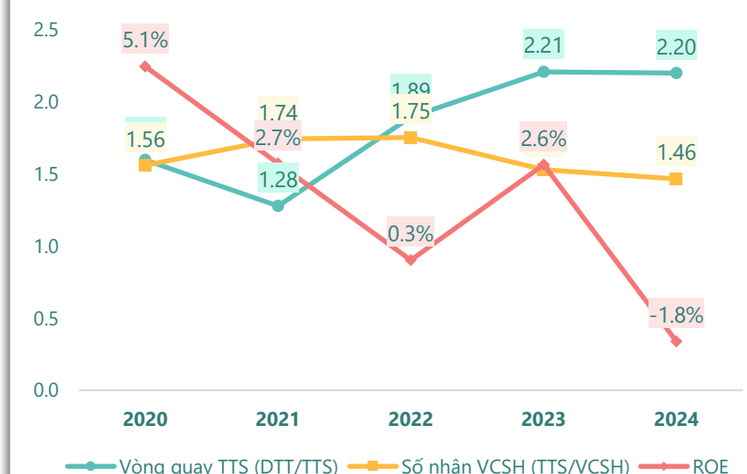
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



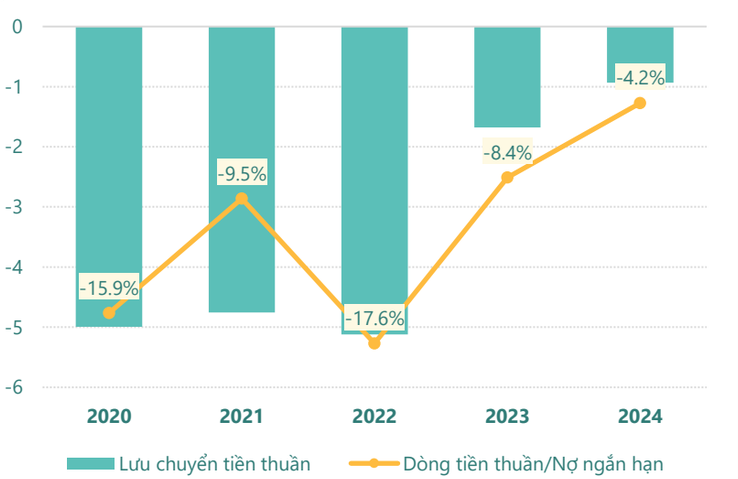
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**62.6**	**87.8**	**-28.7%**	**119**	**146**	**-18.4%**
Giá vốn hàng bán	56.7	81.8	-30.7%	107	133	-19.3%
Lợi nhuận gộp	5.98	6.00	-0.4%	12.0	13.2	-9.5%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.17	-77.8%	0.56	0.93	-39.6%
Chi phí TC	0.32	0.51	-38.1%	1.25	1.09	14.9%
Chi phí lãi vay	0.34	-0.36	195%	1.09	0.43	154%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.75**	**-0.70**	**-7.8%**
Chi phí bán hàng	3.21	2.90	10.8%	6.71	6.45	3.9%
Chi phí QLDN	**1.95**	**1.59**	**22.8%**	**4.39**	**4.93**	**-10.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.53	1.16	-54.1%	-0.56	1.00	-156%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.03**	**100%**	**0.03**	**-0.09**	**135%**
LN trước thuế	0.53	1.13	-52.9%	-0.53	0.91	-158%
Lợi nhuận sau thuế	**0.34**	**0.95**	**-64.2%**	**-0.75**	**0.45**	**-269%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.11**	**0.56**	**-80.3%**	**-0.99**	**-0.07**	**-1381%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.55	29.0	-26.0	0.85	-13.1	17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.21	-0.06	0.72	2.05	-0.67	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.74	-13.6	4.56	-1.90	10.6	-16.2
Tiền đầu kỳ	0.95	7.35	22.7	1.97	2.98	1.13
Lưu chuyển tiền thuần	**6.40**	**15.4**	**-20.7**	**1.01**	**-3.16**	**0.94**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.35	22.7	1.97	2.98	1.13	0.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**86.7**	**86.6**	**0.1%**
Tài sản ngắn hạn	49.2	48.0	2.5%
Tiền và tương đương tiền	0.76	1.97	-61.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.10	1.21	238%
Phải thu ngắn hạn	5.82	8.55	-31.9%
Hàng tồn kho	37.9	35.8	6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.49	23.7%
Tài sản dài hạn	**37.5**	**38.6**	**-2.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.4	12.2	1.5%
Bất động sản đầu tư	11.1	11.4	-2.0%
Tài sản dở dang	0.08	0.08	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.24	8.99	-8.4%
Tài sản dài hạn khác	**5.65**	**5.86**	**-3.5%**
Lợi thế thương mại	0.06	0.15	-56.8%
Nợ phải trả	29.6	28.0	5.7%
Nợ ngắn hạn	**24.3**	**22.0**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.41	12.1	-55.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	8.08	71.3%
Nợ dài hạn	5.27	5.95	-11.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.23	5.91	-11.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**57.2**	**58.6**	**-2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**57.2**	**58.6**	**-2.5%**
Vốn điều lệ	41.4	41.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)